



30/06/22

**DAILY** MORNING

Fed ủng hộ nâng lãi suất  
75 điểm vào tháng 7



## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones tăng 0.27% xuống 31,029.31 điểm; Nasdaq Composite giảm 0.03% xuống 11,177.89 điểm; S&P 500 giảm 0.07% xuống 3,818.83 điểm.
- Mỹ: Nhiều quan chức Fed ủng hộ nâng lãi suất 75 điểm cơ bản nếu các điều kiện kinh tế vẫn duy trì như hiện tại cho tới cuộc họp tháng 7/2022.
- Nga: Có thể dùng doanh thu tăng thêm từ năng lượng để can thiệp vào thị trường ngoại hối nhằm kìm hãm đà tăng của đồng ruble.
- Reuters: Lạm phát Đức bất ngờ hạ nhiệt vào tháng 6 ở mức 8.2%, thấp hơn mức tăng của tháng 5 là 8.7%.
- Trung Quốc: Sẽ gia hạn miễn thuế đối với một số sản phẩm nhập khẩu từ Hoa Kỳ cho đến ngày 15 tháng 2 năm 2023.

### Trong nước

- Quý II/2022: GDP ước tăng 7.72%, CPI bình quân ước tăng 2.96%, chỉ số SXCN ước tăng gần 10% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và DT dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1,395.1 nghìn tỷ đồng, tăng 5.5% so với quý I và tăng 19.5% so với cùng kỳ năm trước.
- UBCKNN: Khẩn trương đưa vào vận hành hệ thống KRX trong năm 2022, mục tiêu phát triển thị trường theo hướng bền vững.
- Số DN gia nhập và tái gia nhập thị trường trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 116.9 nghìn DN, tăng 25.4% so với cùng kỳ năm 2021 và gấp 1.4 lần số DN rút lui khỏi thị trường.
- 85.4% số dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định ACFTA sẽ được xóa bỏ tới trước năm 2028.
- Bộ Công thương xin ý kiến Dự thảo Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA Index) hàng năm của các địa phương.
- Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tính đến 20/6 đạt 8.5% tương đương 11.33 triệu tỷ đồng dư nợ, trong khi cùng kỳ năm 2021 chỉ tăng 5.5%.
- Tổng kim ngạch XNK hàng hóa tháng 6/2022 đạt 65.02 tỷ USD, tăng 2.3% so với tháng 5.

## Điểm tin doanh nghiệp

- FCN: Corio Generation đã ký thỏa thuận hợp tác với FECON trong dự án điện gió ngoài khơi công suất 500MW tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- PXC: Mục tiêu DT 2022 đạt 18.36 tỷ đồng, gấp 3.3 lần kết quả năm 2021 và LN bằng 0 (năm 2021 lỗ trước thuế 1.84 tỷ đồng).
- S99: Ngày 13/7 chốt danh sách trả cổ tức 2020, tỷ lệ 25:2 và phát hành hơn 26 triệu cổ phiếu cho CĐ hiện hữu tỷ lệ 2:1 với giá 10,000 đồng/CP.
- SRA: Chủ tịch HĐQT công ty đăng ký mua 2 triệu cổ phiếu, dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 29/6 đến ngày 1/7.
- DLG: Ngày 30/6 tổ chức ĐHĐCĐ, đề ra mục tiêu DT hợp nhất là 2,500 tỷ đồng (tăng hơn 60% so với năm 2021), LNST tăng 5 lần so với kết quả đạt được năm 2021.
- DIG: Bị Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo cưỡng chế về thuế với giá trị 30.61 tỷ đồng.
- HUT: Dùng hơn 612 tỷ đồng để góp vốn vào một công ty bảo hiểm.
- HAH: 6 tháng đầu năm ước tính DT đạt 1,615.15 tỷ đồng và LNST đạt 437.15 tỷ đồng, lần lượt tăng 99.8% và 138.6% so với cùng kỳ năm 2021.
- TDH: Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Lê Thị Ngọc Cẩm và bầu thay thế bà Nguyễn Thị Hà, thời gian bắt đầu từ 1/7/2022.
- C4G: Đồng loạt bán bớt vốn tại 4 công ty con để giảm sở hữu về 49% VDL, ước tính thu về 5.46 tỷ đồng.

## Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

|                      | 30/6     | % Sáng<br>30/6 | 29/6     | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|----------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |                | 1,218.09 | 0.00%  | 4.18%  | -5.86%  |
| HNX INDEX            |          |                | 282.35   | -0.54% | 4.81%  | -9.73%  |
| VN30 INDEX           |          |                | 1,273.40 | 0.00%  | 3.77%  | -5.17%  |
| Shanghai Composite   |          |                | 3,361.52 | -1.40% | 2.89%  | 7.39%   |
| Nikkei 225 NKY       |          |                | 26,804.6 | -0.91% | 2.51%  | -2.06%  |
| Korea Kospi          |          |                | 2,377.99 | -1.82% | 1.50%  | -8.97%  |
| Straits Times STI    |          |                | 3,134.87 | -0.17% | 1.34%  | -3.21%  |
| Thailand SET         |          |                | 1,586.18 | -0.52% | 1.68%  | -3.21%  |
| Malaysia FBMKLCI     |          |                | 1,451.48 | -0.22% | 1.42%  | -6.16%  |
| Philippines PCOMP    |          |                | 6,303.19 | -0.67% | 2.19%  | -7.61%  |
| Indonesia JCI        |          |                | 6,942.35 | -0.77% | -0.60% | -1.19%  |
| S&P500 SPX           |          |                | 3,818.83 | -0.07% | 1.57%  | -5.89%  |
| S&P500 Futures       | 3,711.75 | 0.98%          | 3,821.25 | -0.11% | 0.47%  | -8.19%  |
| Dow Jones Industrial |          |                | 31,029.3 | 0.27%  | 1.79%  | -4.93%  |
| Nasdaq Composite     |          |                | 11,177.9 | -0.03% | 1.13%  | -4.79%  |
| Euro Stoxx 50        |          |                | 3,514.32 | -0.99% | 1.43%  | -8.52%  |
| FTSE 100 UKX         |          |                | 7,312.32 | -0.15% | 3.15%  | -3.34%  |
| Russian MOEX         |          |                | 2,378.55 | -1.25% | 0.21%  | -1.21%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |          | S&P 500   |           |
|--------------------|----------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Up trend | Xu hướng  | Giảm điểm |
| Kháng cự           | 3500     | Kháng cự  | 4100      |
| Hỗ trợ             | 3100     | Hỗ trợ    | 3300      |
| Điểm PTKT          | TÍCH CỰC | Điểm PTKT | TIÊU CỰC  |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC

# TTCK Việt Nam: Phiên sideway

| Ngành                   | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                  | -0.42% | 4.87%  | -2.28%  |
| Bảo hiểm                | -1.62% | 4.84%  | 1.82%   |
| Bất động sản            | -0.39% | 0.83%  | -7.99%  |
| Công nghệ Thông tin     | 0.10%  | 6.41%  | -3.22%  |
| Dầu khí                 | -1.84% | 5.50%  | -7.76%  |
| Dịch vụ tài chính       | 0.53%  | 8.82%  | -17.88% |
| Điện, nước & xăng dầu   | 0.45%  | 4.26%  | 4.38%   |
| Du lịch và Giải trí     | -1.15% | 3.20%  | -2.98%  |
| Dịch vụ Công nghiệp     | 0.45%  | 7.33%  | -5.84%  |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0.19% | 8.51%  | -0.90%  |
| Hóa chất                | -0.72% | 3.84%  | -7.04%  |
| Ngân hàng               | 0.12%  | 5.49%  | -4.41%  |
| Ô tô và phụ tùng        | -1.33% | 4.79%  | -10.06% |
| Tài nguyên Cơ bản       | 0.93%  | 5.70%  | -16.19% |
| Thực phẩm và đồ uống    | 0.49%  | 3.89%  | -0.18%  |
| Truyền thông            | -0.09% | 2.14%  | -0.80%  |
| Viễn thông              | 0.35%  | 0.69%  | -2.03%  |
| Xây dựng và Vật liệu    | -0.38% | 5.08%  | -8.67%  |
| Y tế                    | -0.12% | 1.13%  | -6.57%  |

Nguồn: Fiinpro, BSC

Published on TradingView.com, June 29, 2022 17:25:30 +07  
VNINDEX, D O: 1208.22 H: 1219.58 L: 1207.38 C: 1218.09



TradingView

Nguồn: Tradingview, BSC

| VN INDEX  |          |
|-----------|----------|
| Xu hướng  | Tích lũy |
| Kháng cự  | 1350     |
| Hỗ trợ    | 1100     |
| Điểm PTKT | TIÊU CỰC |

| Cập nhật thị trường                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thị trường ngày 29/6 đóng cửa tại vùng 1220, không thay đổi so với phiên trước đó. Nếu VN-Index có thể vượt qua ngưỡng kháng cự 1250 trong những phiên tới thì khả năng sẽ quay về chinh phục gap 1260-1280. |



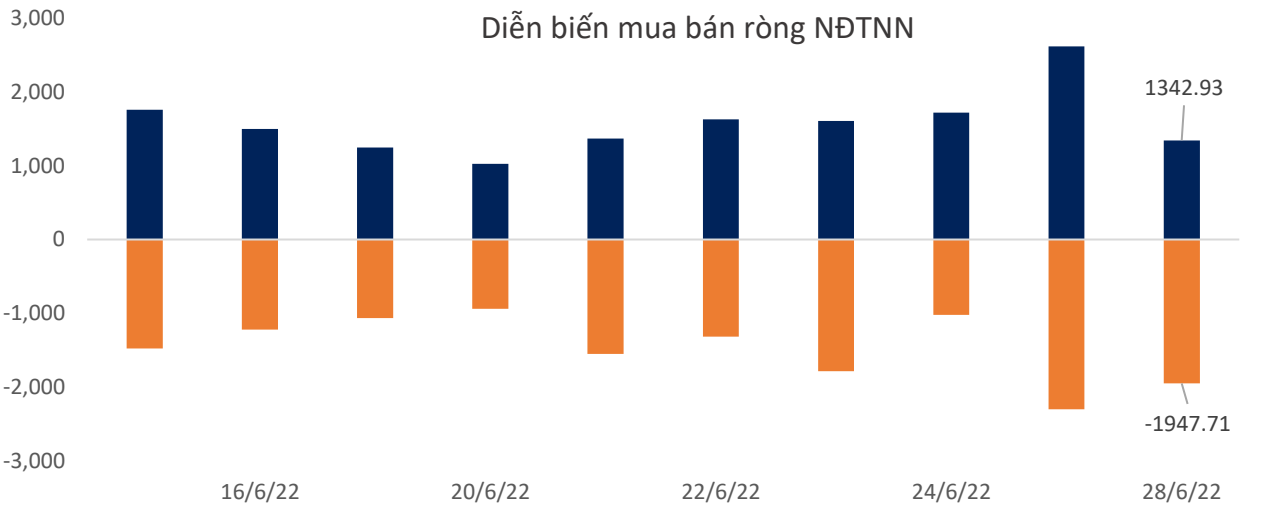
Khối ngoại: Các ETF có giao dịch trái chiều

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |        |        | Nhận định                                                                                                                                                                                                  |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|--------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M     | 3M     |                                                                                                                                                                                                            |
| E1VFN30      | 347.2            | 0.9             | (2.3)              | -2.8%        | -2.2                      | -1.6 | -11.5  | -4.4   | ETF Diamond, Finlead tăng quy mô, E1 giảm quy mô, các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối mua ròng ở thị trường Malaysia, Thái Lan và bán ròng ở toàn bộ các thị trường còn lại. |
| FUEMAVN30    | 28.2             | 0.7             | (0.0)              | -2.2%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0    | 2.9    |                                                                                                                                                                                                            |
| FUESSVFL     | 121.2            | 0.7             | 0.2                | -2.1%        | 0.2                       | 0.2  | 0.7    | 1.7    |                                                                                                                                                                                                            |
| FUESSVN30    | 3.8              | 0.7             | 0.0%               | -2.0%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0    | -0.3   |                                                                                                                                                                                                            |
| FUEVFN30     | 847.1            | 1.2             | 0.6                | -2.8%        | 0.7                       | 13.0 | 107.0  | 233.4  |                                                                                                                                                                                                            |
| FUEVN100     | 9.1              | 0.7             | (0.0)              | -3.2%        | 0.0                       | 0.3  | 0.4    | 2.4    |                                                                                                                                                                                                            |
| FTSE Vietnam | 267.0            | 34.2            | -                  | (0.0)        | 0.0                       | -    | (0.5)  | (16.4) |                                                                                                                                                                                                            |
| FUBON FTSE   | 552.1            | 0.5             | -                  | (0.0)        | 0.0                       | 4.2  | 66.8   | 184.4  |                                                                                                                                                                                                            |
| iShare       | 356.5            | 27.2            | -                  | (0.0)        | 0.0                       | -    | (12.7) | (46.8) |                                                                                                                                                                                                            |
| KIM          | 131.8            | 15.9            | -                  | (0.0)        | 0.0                       | -    | -      | (17.4) |                                                                                                                                                                                                            |
| PREMIA       | 22.7             | 9.9             | -                  | -0.6%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0    | -0.9   |                                                                                                                                                                                                            |
| VNM          | 386.7            | 14.9            | -                  | (0.0)        | 0.0                       | -    | (2.3)  | (12.6) |                                                                                                                                                                                                            |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kể từ đầu tuần | Lũy kể từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | (1.68)   | 16.51              | 81.73               |
| ASEAN4*              | (67.19)  | (151.51)           | (1,715.00)          |
| Ấn Độ                | (108.35) | (247.81)           | (6,269.39)          |
| Đài Loan             | (99.47)  | (243.80)           | (6,889.66)          |
| Hàn Quốc             | (292.42) | (303.44)           | (4,488.92)          |
| Nhật Bản             |          | (3,177.55)         | (9,556.10)          |
| Trung Quốc           |          |                    | (64,037.06)         |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM % |
|---------------------|-------|
| Việt Nam            | 28.91 |
| Thái Lan            | 26.00 |
| Singapores          | 28.91 |
| Phillippines        | 25.55 |
| Malaysia            | 39.61 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

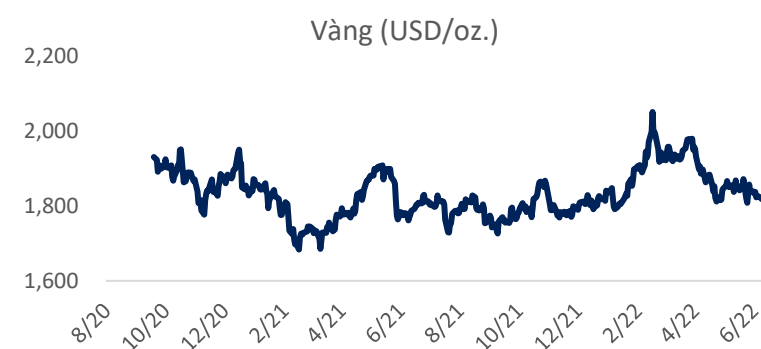
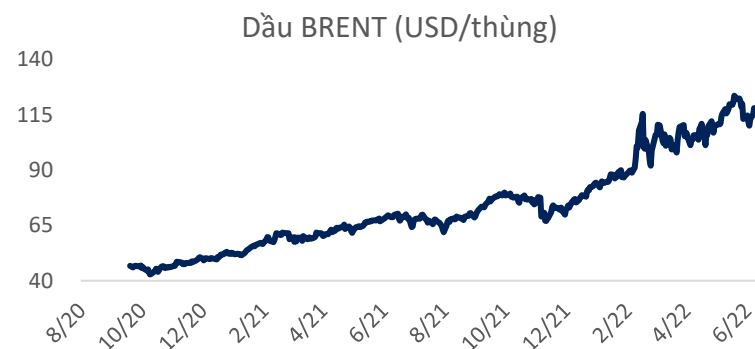


| Mặt hàng  | Đơn vị   | 30/6     | % Sáng | 29/6     | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 109.63   | -0.14% | 109.78   | -1.77% | 5.14%  | -2.32%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 116.26   | -1.46% | 117.98   | 2.51%  | 4.05%  | -1.14%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USd/gal. | 374.60   | -2.12% | 382.70   | -2.75% | -0.52% | -4.24%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,818.80 | 0.06%  | 1,817.73 | -0.13% | -0.22% | -1.01%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 20.74    | -0.03% | 20.74    | -0.46% | -1.03% | -3.77%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,478.25 | 1.08%  | 1,462.50 | 2.08%  | 0.12%  | -4.30%  | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mì    | USd/bu.  | 930.00   | -0.64% | 936.00   | 2.02%  | -5.94% | -19.27% |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 22.80    | 0.80%  | 22.62    | 0.85%  | -3.18% | -6.44%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 258.30   | 0.23%  | 257.70   | -0.27% | 1.77%  | 3.32%   | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 18.51    | 0.05%  | 18.50    | 1.31%  | 0.11%  | -6.04%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 228.25   | 4.82%  | 217.75   | -1.96% | -3.45% | 0.64%   | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 8,401.00 | 0.42%  | -4.24% | -10.18% | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 4,399.00 | 0.66%  | 4,370.00 | 1.75%  | 5.31%  | -4.68%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,471.00 | -0.80% | -0.34% | -13.75% |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 815.00   | 0.74%  | 809.00   | 2.99%  | 11.80% | -6.80%  |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 344.30   | -3.14% | -3.61% | 2.49%   | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

## Cập nhật thị trường

Giá dầu suy giảm vào ngày 29/6 với những lo ngại về tình trạng khan hiếm nguồn cung không đủ lấn át những lo ngại về nền kinh tế toàn cầu suy thoái.



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

# Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.

\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)



## DANH MỤC BÁO CÁO BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các



## CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia